

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2020
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Nhật Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Loan

Bà Nguyễn Thị Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Duy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 222/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXX-ST ngày 04/9/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kiều D - sinh năm: 1986;

Trú tại: Tổ dân phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Đặng Thành T - sinh năm: 1985;

Trú tại: Tổ dân phố K, thị trấn G, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 6 năm 2020 (nộp ngày 09 tháng 6 năm 2020); biên bản lấy lời khai, các biên bản không tiến hành hòa giải được; nguyên đơn chị Trần Thị Kiều D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kiều D và anh Đặng Thành T tự nguyện yêu thương nhau, về sống chung với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện V, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 154/2012 quyển số 01/2012 ngày 05 tháng 9 năm 2012.

Quá trình sống chung, thời gian đầu giữa vợ chồng chị có hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra kinh cãi, xích mích, anh T ham chơi, sống vô trách nhiệm với gia đình, thường xuyên cờ bạc, chị và gia đình hai bên gia đình cũng đã nhiều lần nói chuyện góp ý với anh T nhưng anh T không thay đổi, từ đó mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng hơn. Từ tháng 5 năm 2020 đến nay, chị về nhà mẹ ruột sinh sống và vợ chồng chị đã không còn sống chung với nhau, anh T cũng bỏ mặc mối quan hệ giữa vợ chồng từ đó đến nay. Hiện tại, chị xác định không còn tình cảm với anh T, không muốn hàn gắn đoàn tụ với anh T nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Giữa chị và anh T có 02 (hai) con chung là Đặng Trần Quốc T (sinh ngày 01/3/2017), Đặng Trần Quốc K (sinh ngày 08/7/2019); kể từ khi không sống chung thì chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, anh T bỏ mặc không quan tâm gì đến con chung; chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 (hai) con chung đến 18 (mười tám) tuổi. Chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị D xác định không có.

Về nợ chung: Chị D xác định không có.

Đối với anh Đặng Thành T trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định của pháp luật, cụ thể như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để anh T thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa phát biểu:

1. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Kiều D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Thành T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp giữa chị D với anh T là “*Tranh chấp về ly hôn*”. Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa là Tòa án nơi mà anh T cư trú theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

Tại phiên tòa anh Đặng Thành T dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt lần thứ hai; căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử quyết T xét xử vắng mặt bị đơn anh Đặng Thành T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kiều D và anh Đặng Thành T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 154/2012 quyển số 01/2012 ngày 05/9/2012. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Kiều D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đặng Thành T. Về nguyên nhân gây ra mâu thuẫn giữa chị D và anh T, theo chị D xác định: Do cả hai bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, xích mích. Mặc dù chị và gia đình hai bên cũng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng không thành công. Từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay, chị D và anh T đã sống ly thân, hiện tại giữa cả hai đã không còn quan hệ với nhau về mọi mặt, từ chuyện tình cảm đến kinh tế.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Đặng Thành T cũng đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Trần Thị Kiều D nhưng anh T đều không có mặt để làm việc. Điều đó chứng tỏ anh T đã không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân giữa anh và chị D nữa.

Theo biên bản xác minh ngày 13 tháng 8 năm 2020, Ủy ban nhân dân thị trấn G xác nhận việc chị Trần Thị Kiều D và anh Đặng Thành T hiện đã không sống chung với nhau.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Trần Thị Kiều D và anh Đặng Thành T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều

56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Kiều D đối với anh Đặng Thành T.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Kiều D và anh Đặng Thành T có 02 (hai) con chung là Đặng Trần Quốc T (sinh ngày 01/3/2017), Đặng Trần Quốc K (sinh ngày 08/7/2019); chị D trình bày kể từ tháng 05 năm 2020 khi vợ chồng không sống chung nữa thì chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung còn anh T bỏ mặc không quan tâm, chăm sóc gì đến 02 (hai) con chung, do đó nay chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 (hai) con chung đến khi con chung đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi vợ chồng không còn sống chung, cả hai con chung sinh sống cùng với chị D, cuộc sống đã đi vào ổn định, con chung Đặng Trần Quốc K hiện còn nhỏ, chưa đủ 36 (ba mươi sáu) tháng tuổi; mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án anh T không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc nuôi con chung, nên không có cơ sở xem xét yêu cầu của anh Trung. Vì vậy việc chị D yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu này của chị D. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị D xác định giữa chị và anh T không có tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Chị D xác định giữa chị và anh T không có nợ chung.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Kiều D phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 264; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Chị Trần Thị Kiều D được ly hôn với anh Đặng Thành T.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao 02 (hai) con chung là Đặng Trần Quốc T - sinh ngày 01 tháng 3 năm 2017, Đặng Trần Quốc K - sinh ngày 08 tháng 7 năm 2019 cho chị Trần Thị Kiều D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung lần lượt đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Chị Trần Thị Kiều D không yêu cầu anh Đặng Thành T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đặng Thành T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị D, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị D xác định giữa chị và anh T không có tài sản chung.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Kiều D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0003254 ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh. Chị D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh ;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Vạn Giã;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vi Nhật Hoàng